

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu Lan;
2. Bà Trần Thị Bích Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị C; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị C trình bày:

Chị và anh Trương Văn D trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã B, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, chị và Trương Văn D chung sống cùng nhau tại thôn A, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng

quan điểm sống, anh Trương Văn D thường xuyên uống rượu say, chị và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Từ đầu tháng 9 năm 2025 chị và các con chuyển về nhà bố mẹ để chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn D.

Về con chung: Chị và anh Trương Văn D có 03 người con chung Trương Thị Hồng Q, sinh ngày 31-5-2022. Ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con chung và không yêu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lý Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Trương Văn D nhưng anh D không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 04 tháng 11 năm 2025 (bút lục số 30) trưởng thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai cho biết: Anh Trương Văn D và chị Lý Thị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 09 tháng 5 năm 2011. Sau khi kết hôn chị C và anh D chung sống tại thôn A, xã B. Quá trình chung sống gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh D thường xuyên uống rượu, vợ chồng có xảy ra xô xát. Đến nay chị C và anh D đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị C và các con chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Chị C xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Chị C và anh D có 03 người con chung Trương Thị Hồng Q, sinh ngày 31-8-2008, Trương Thị Yến N, sinh ngày 18-4-2011 và Trương Thị M, sinh ngày 31-5-2022. Các cháu đều đang ở cùng chị C; Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh L có hay không trưởng thôn không rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 04 tháng 11 năm 2025, Công an xã B, tỉnh Lào Cai cung cấp thông tin anh Trương Văn D hiện nơi thường trú tại thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai. Anh Trương Văn D chưa cắt khẩu hay chuyển khẩu đi đâu.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị C. Chị Lý Thị C được ly hôn anh Trương Văn D; Về con chung: Giao 03 cháu Trương Thị Hồng Q, sinh ngày 31/8/2008; Trương Thị Yến N, sinh ngày 18/4/2011 và Trương Thị M, sinh ngày 31/5/2022 cho chị Lý Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Về án phí: Chị Lý Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Trương Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Anh Trương Văn D là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trương Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị C và anh Trương Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị C và anh Trương Văn D là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị C và anh D bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 9/2025 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh D nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại địa phương, thì chị Lý Thị C và anh Trương Văn D trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị C và anh D đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C và anh D không ai quan tâm đến ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị C.

[4] Về con chung: Chị C và anh D có ba người con chung Trương Thị Hồng Q, sinh ngày 31-8-2008, Trương Thị Yến N, sinh ngày 18-4-2011 và Trương Thị

M, sinh ngày 31-5-2022. Ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cả ba cháu hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Q và cháu N cũng có nguyện vọng được ở cùng chị C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là cháu Q, cháu N, cháu M cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lý Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị C được ly hôn anh Trương Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Thị Hồng Q, sinh ngày 31-8-2008, Trương Thị Yến N, sinh ngày 18-4-2011 và Trương Thị M, sinh ngày 31-5-2022 cho chị Lý Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Trương Thị Hồng Q, Trương Thị Yến N, Trương Thị M đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Trương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Lý Thị C đã nộp theo biên lai số 0001009 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Lý Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 - Lào Cai;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 3-Lào Cai;
- UBND xã B – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương